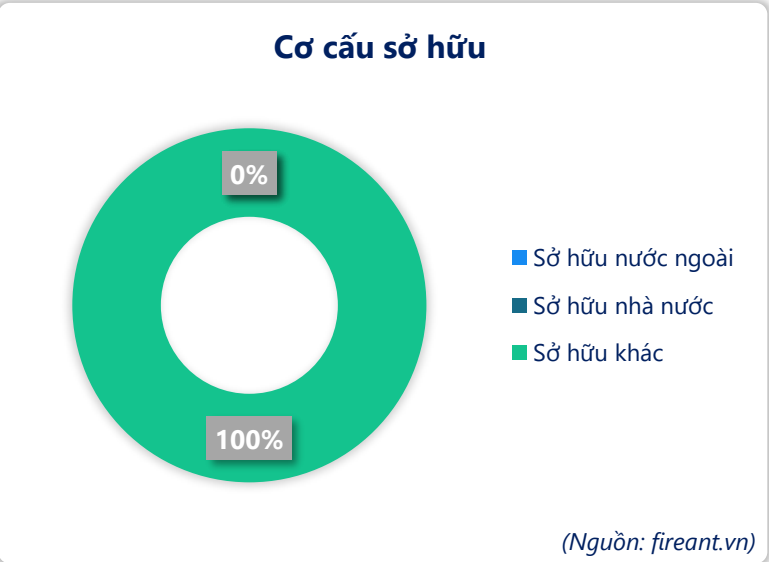
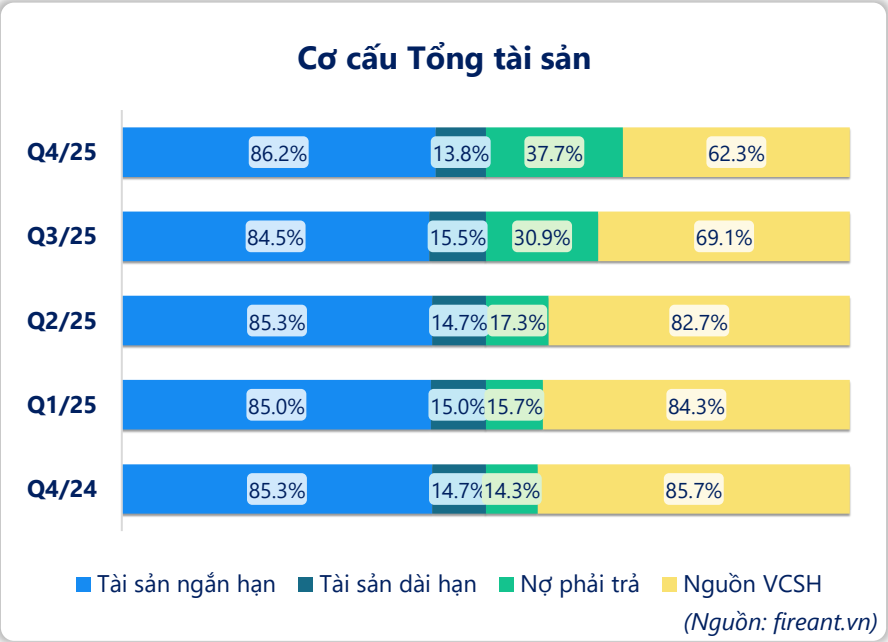
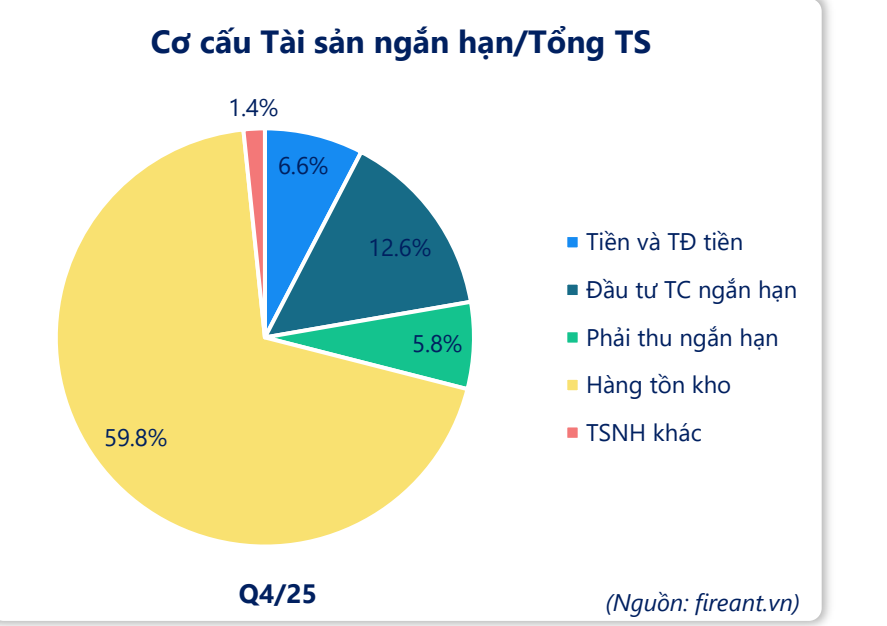
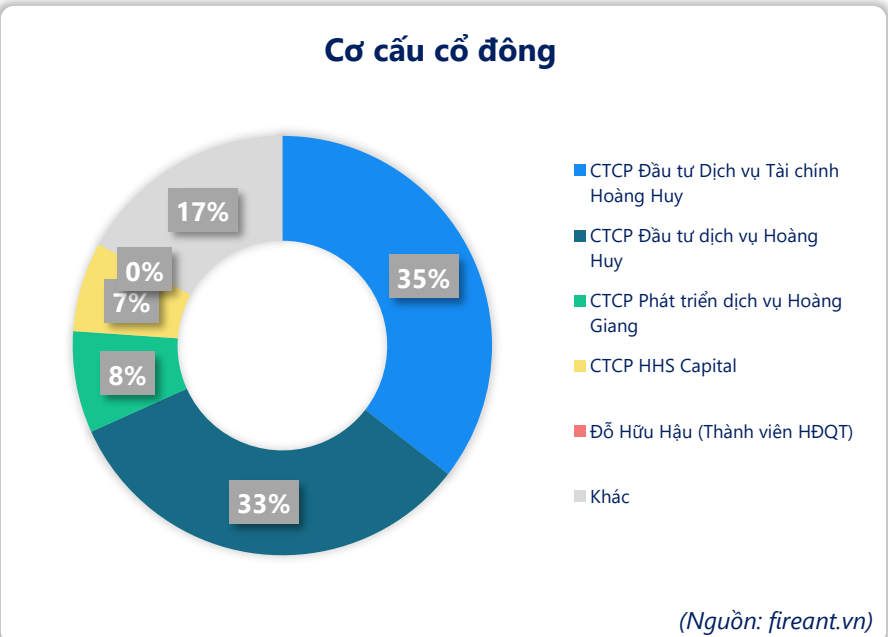
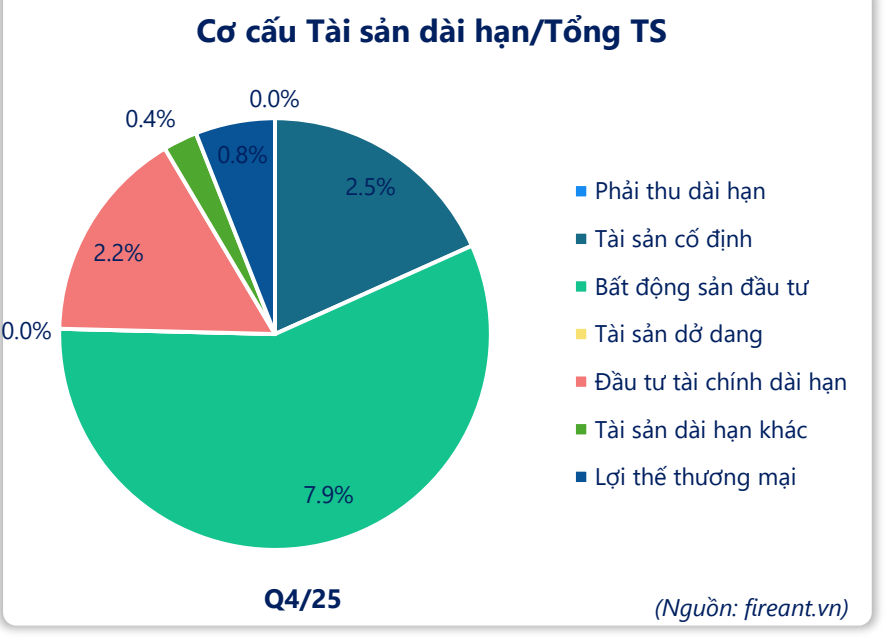
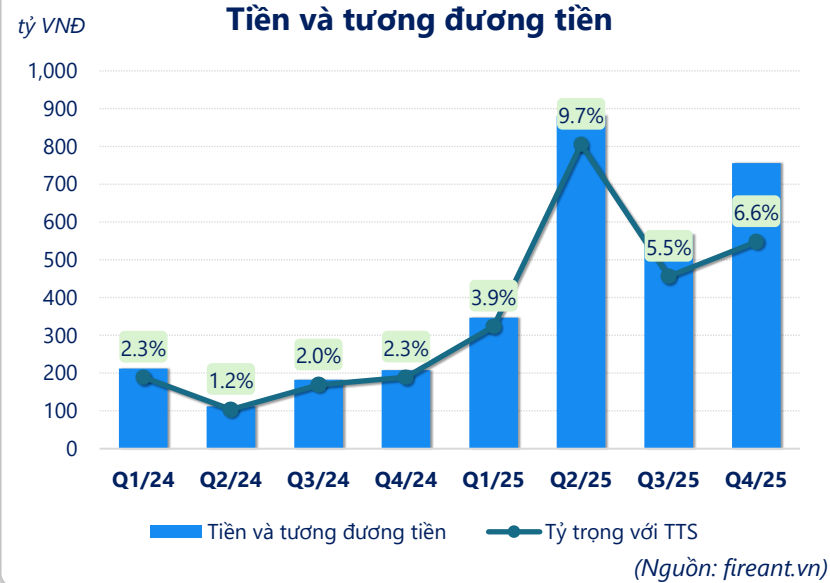
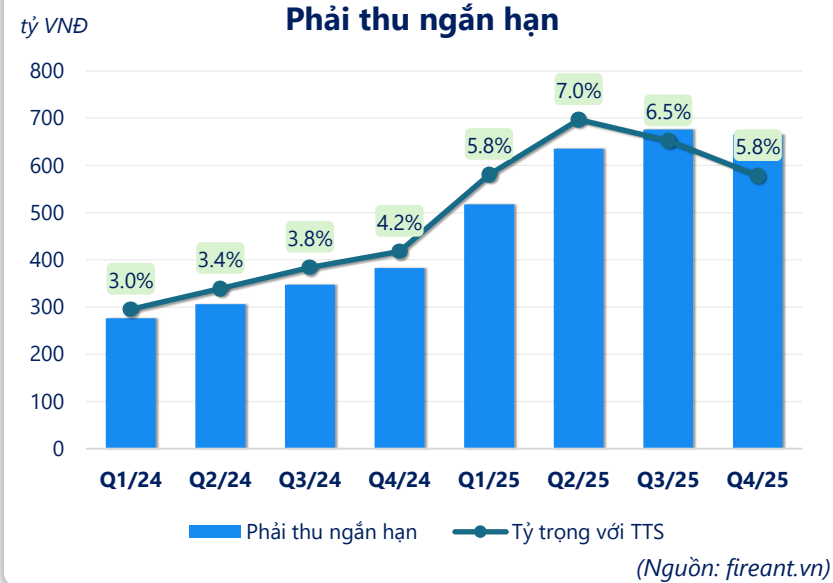
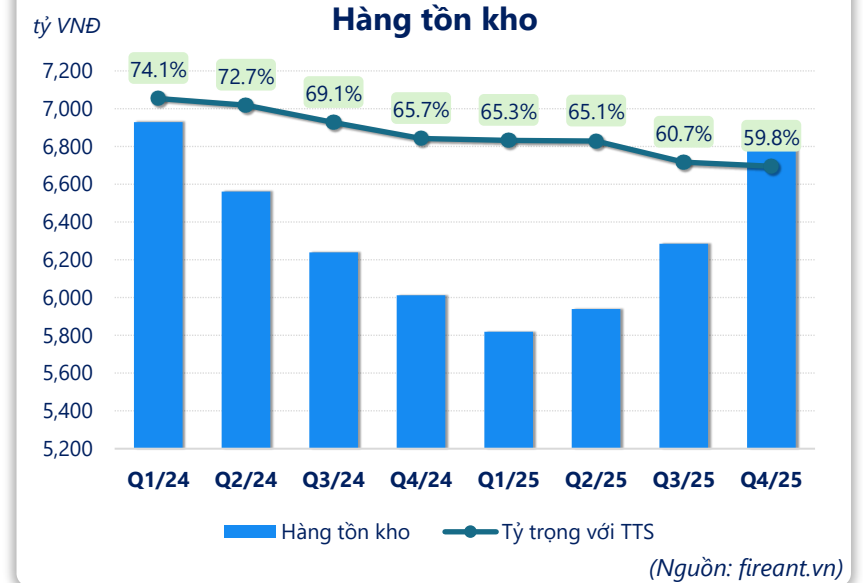
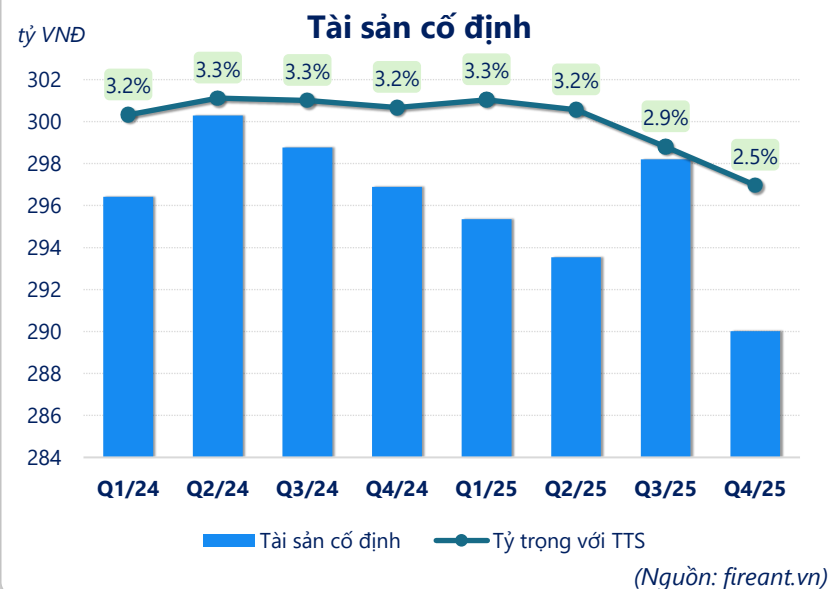
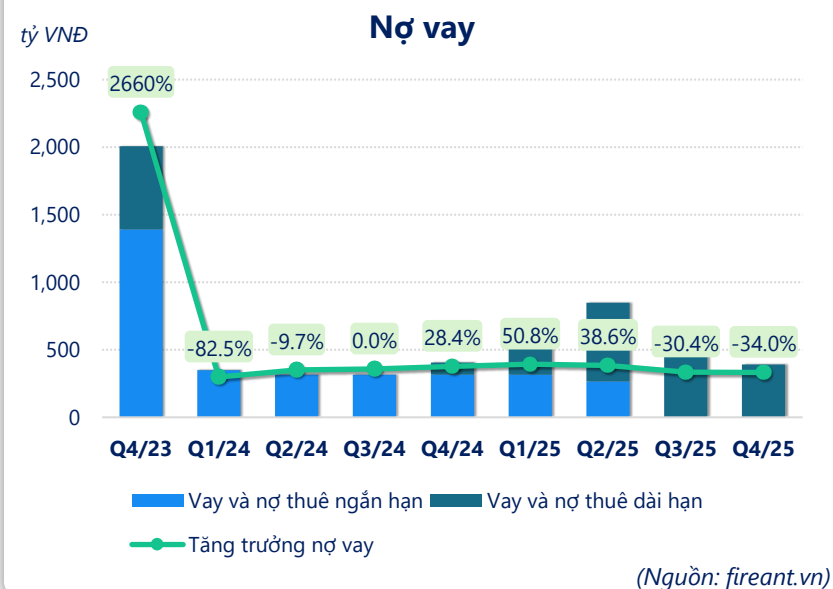
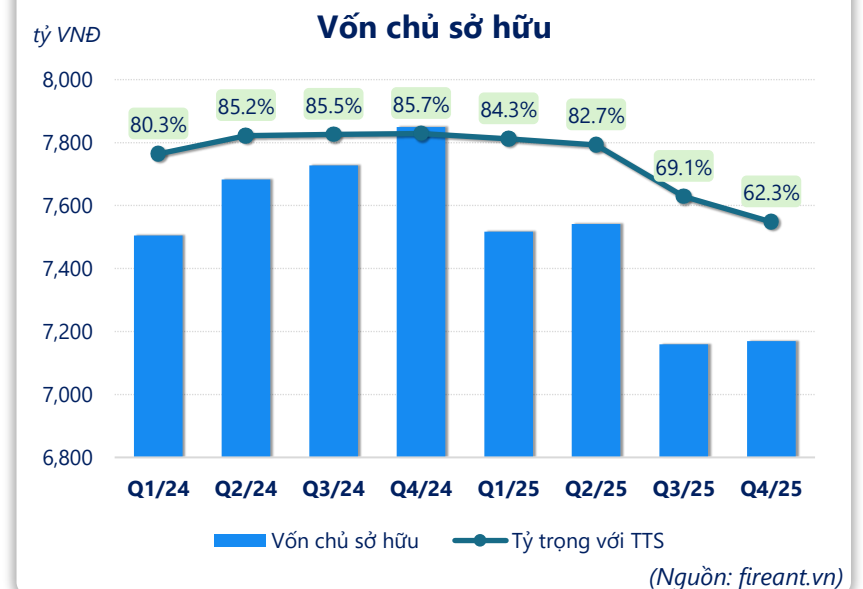
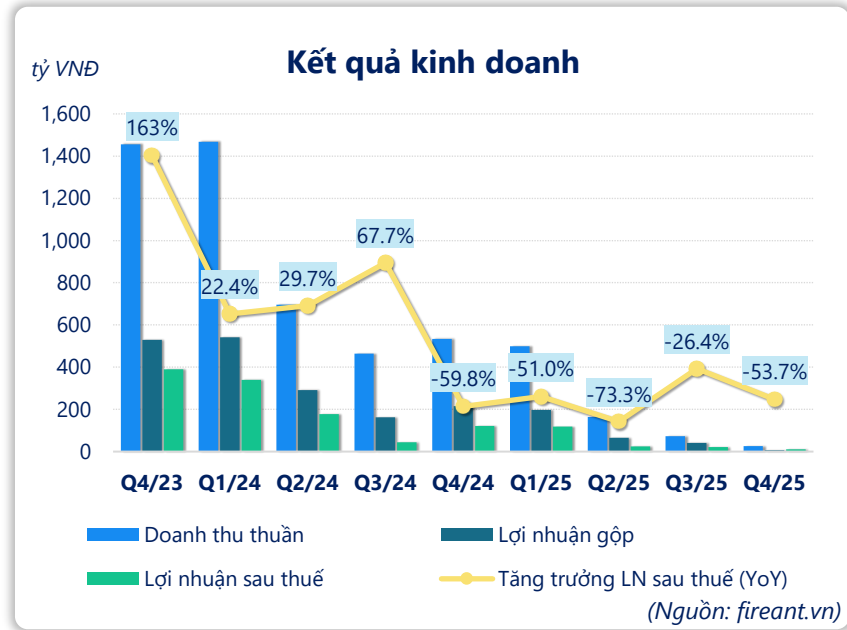
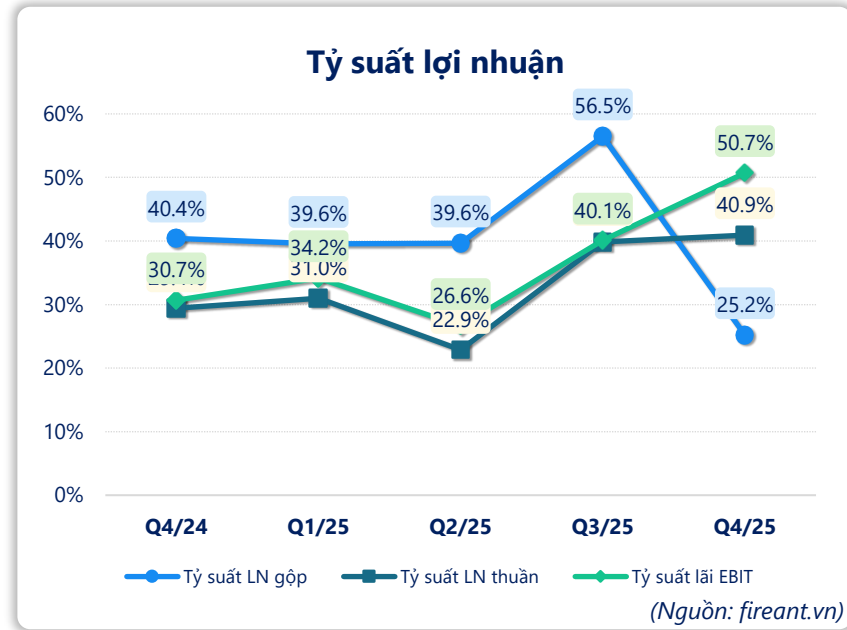
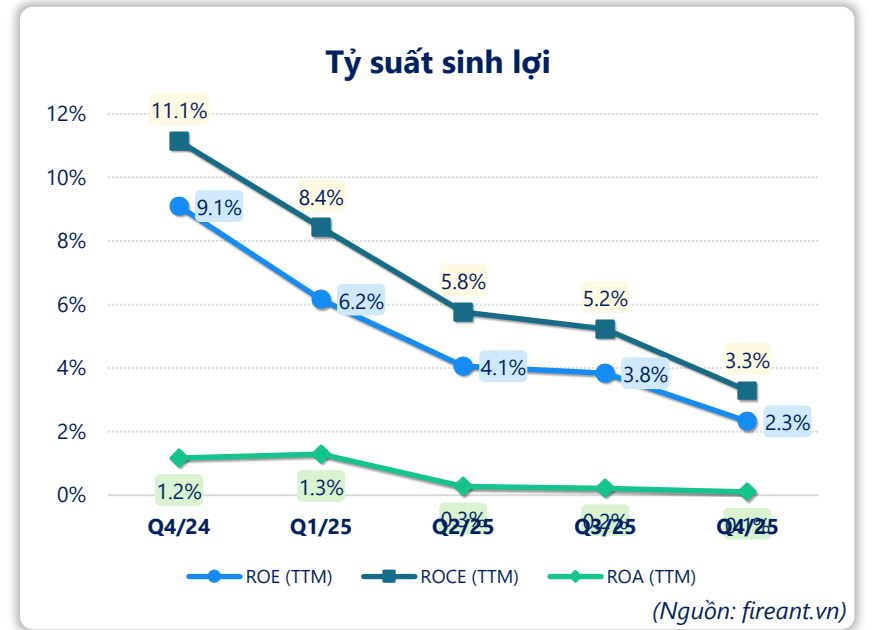
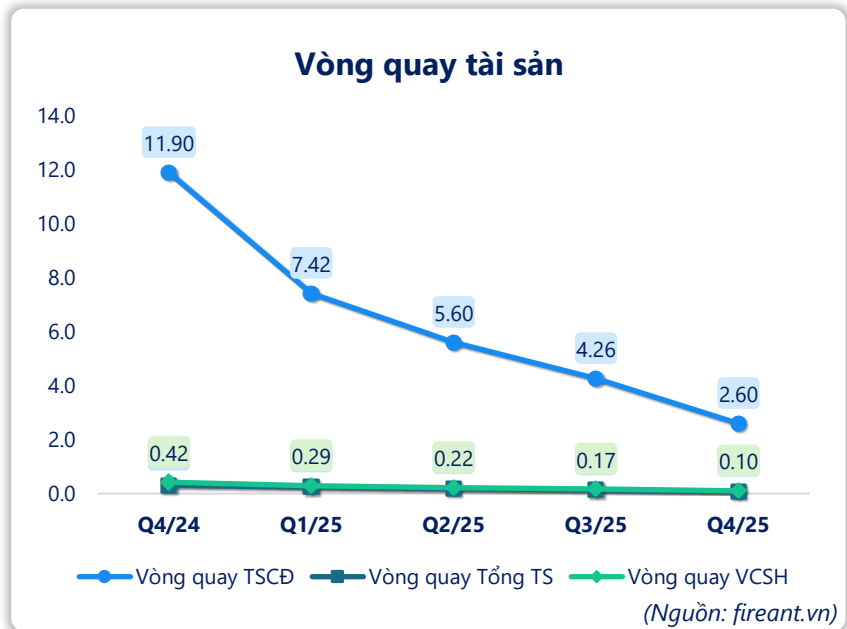
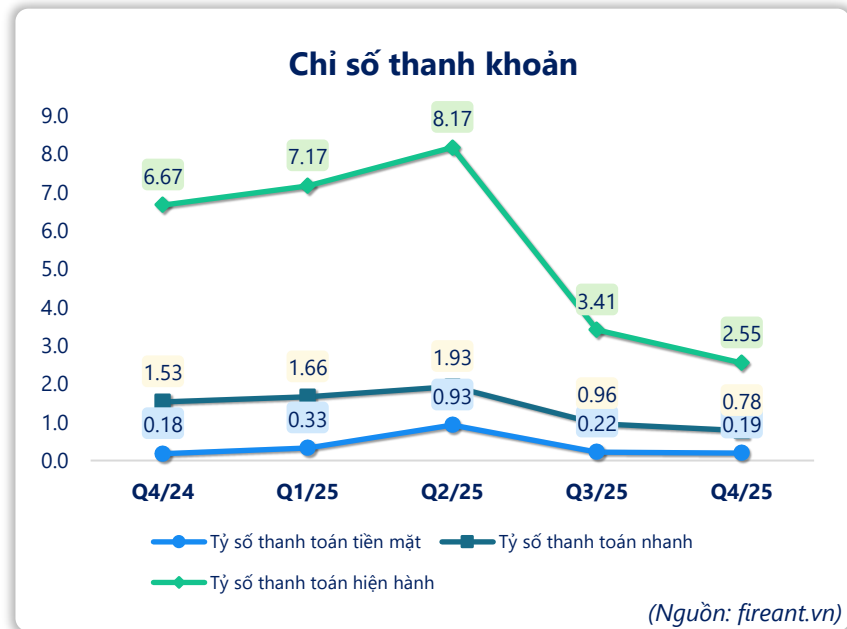
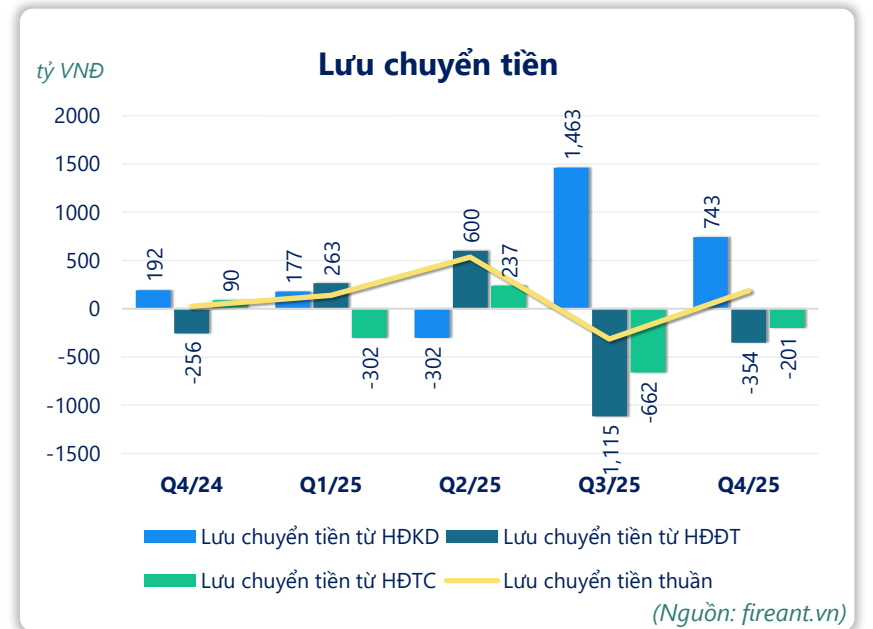


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,758
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,900
SL cổ phiếu LH		687,399,875
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,450
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		20,278
P/E		116.3
EPS		254

	YTD	1T	3T	6T
CRV		0.0%	1.7%	-3.6%
VNINDEX		3.2%	8.4%	7.8%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,502	9,156	25.6%
Tài sản ngắn hạn	9,916	7,806	27.0%
Tiền và tương đương tiền	756	208	263%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,452	1,125	29.1%
Phải thu ngắn hạn	665	383	73.8%
Hàng tồn kho	6,879	6,012	14.4%
Tài sản ngắn hạn khác	163	78.0	109%
Tài sản dài hạn	1,586	1,350	17.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	290	297	-2.3%
Bất động sản đầu tư	906	935	-3.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	255	0	
Tài sản dài hạn khác	40.6	8.90	356%
Lợi thế thương mại	94.6	109	-13.1%
Nợ phải trả	4,332	1,307	232%
Nợ ngắn hạn	3,892	1,170	233%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	317	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	173	232	-25.5%
Nợ dài hạn	440	136	223%
Vay và nợ thuê dài hạn	390	89.7	335%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,170	7,849	-8.7%
Vốn chủ sở hữu	7,170	7,849	-8.7%
Vốn điều lệ	6,724	6,724	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	535	499	163	73.5	25.5
Giá vốn hàng bán	319	302	98.6	32.0	19.1
Lợi nhuận gộp	216	198	64.7	41.5	6.42
Doanh thu HĐTC	13.2	26.4	11.3	16.0	24.9
Chi phí TC	6.31	18.0	5.26	0.23	0.00
Chi phí lãi vay	6.31	18.0	5.26	0.23	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.3	37.8	22.6	15.3	12.8
Chi phí QLDN	16.2	13.5	10.9	12.7	8.16
LN thuần từ HĐKD	157	155	37.3	29.3	10.4
Lợi nhuận khác	0.41	-2.06	0.89	-0.07	2.49
LN trước thuế	158	153	38.2	29.2	12.9
Lợi nhuận sau thuế	122	118	24.6	21.0	10.7
LNST của CĐ cty mẹ	122	118	24.6	21.0	10.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	192	177	-302	1,463	743
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-256	263	600	-1,115	-354
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	89.7	-302	237	-662	-201
Tiền đầu kỳ	183	208	347	881	567
Lưu chuyển tiền thuần	25.4	139	535	-314	189
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0	0.02	-0.03
Tiền cuối kỳ	208	347	881	567	756

(Nguồn: fireant.vn)